

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BGDDT-GDTX  
V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (Cục C10) - Bộ Công an.

Triển khai kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Thông tư Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ (Thông tư) và đăng dự thảo Thông tư trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo, Cục C10 - Bộ Công an nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Thông tư (gửi kèm Công văn).

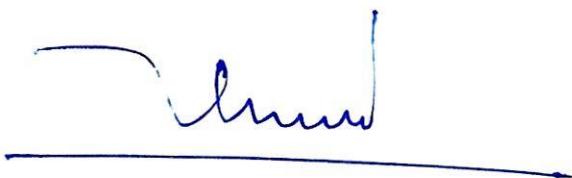
Văn bản góp ý của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục thường xuyên, số 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) trước ngày 28 tháng 4 năm 2022. Thông tin chi tiết xin lên hệ bà Điêu Thị Thủy Nguyên, Chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên (điện thoại 0983961493; thư điện tử: dttnguyen@moet.gov.vn).

Trân trọng./.

*Noi nhậm:*

- Nhu trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Hữu Độ (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ GDTX.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Nguyễn Xuân Thủy**

Số: /2022/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo 2)

**THÔNG TƯ****Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ.

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ (sau đây gọi chung là học viên), bao gồm: tổ chức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá; tổ chức thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng đối với trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng trực thuộc Bộ Công an quản lý và các cơ sở giáo dục khác được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Chương trình xóa mù chữ (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện* của học viên là hoạt động thu thập, phân tích, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học viên; tư vấn, hướng dẫn, học viên; thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học viên.

2. *Đánh giá thường xuyên* là hoạt động đánh giá diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt của từng môn học và một số biểu hiện về phẩm chất, năng lực của học viên; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học viên để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy và học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học viên.

3. *Đánh giá định kì* là hoạt động đánh giá kết quả giáo dục học viên trong một giai đoạn, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học viên theo yêu cầu cần đạt của từng môn học được quy định trong Chương trình xóa mù chữ và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học viên.

4. *Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục* là việc tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của học viên vào bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp và học bạ vào các thời điểm theo quy định.

### **Điều 3. Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học viên theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình xóa mù chữ; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học viên điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động quản lý giáo dục và dạy học.

### **Điều 4. Yêu cầu đánh giá**

1. Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của từng môn học được quy định trong Chương trình xóa mù chữ.

2. Đánh giá bảo đảm tính chính xác, công bằng, trung thực và khách quan.

3. Đánh giá vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; không so sánh học viên với nhau.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ**

### **Điều 5. Nội dung và hình thức đánh giá**

#### **1. Nội dung đánh giá**

a) Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học viên đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học theo Chương trình xóa mù chữ.

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học viên thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi theo quy định tại Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình xóa mù chữ.

#### **2. Hình thức đánh giá**

a) Đánh giá bằng nhận xét:

- Giáo viên quan sát học viên trong quá trình giảng dạy trên lớp và ghi chép lại các biểu hiện của học viên để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học viên.

- Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học viên, từ đó đánh giá học viên theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

- Giáo viên trao đổi với học viên thông qua việc hỏi đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Giáo viên nhận xét qua việc học viên dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét bản thân và tham gia nhận xét học viên khác, nhóm học viên về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

b) Đánh giá bằng điểm số: Giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của Chương trình xóa mù chữ, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

## **Điều 6. Đánh giá thường xuyên**

### 1. Đánh giá thường xuyên về nội dung học tập các môn học

a) Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, nhưng chủ yếu thông qua lời nói chỉ ra cho học viên biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học viên khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời.

b) Học viên tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của học viên khác, nhóm học viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học tập và rèn luyện tốt hơn.

c) Đối với các chuyên đề học tập của môn học thực hiện ở kì học thứ 5 của Chương trình xóa mù chữ, mỗi học viên được đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó để sử dụng trong việc đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

### 2. Đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

a) Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học viên; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi theo Chương trình xóa mù chữ để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

b) Học viên được tự nhận xét và được tham gia nhận xét học viên khác, nhóm học viên về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi

để hoàn thiện bản thân.

### **Điều 7. Đánh giá định kì**

#### 1. Đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học

##### a) Bài kiểm tra định kì

- Trong mỗi kì học, mỗi môn học có 04 (bốn) bài kiểm tra định kì tại các thời điểm phù hợp với tiến độ thực hiện chương trình, trong đó có 03 (ba) bài kiểm tra trong kì học và 01 (một) bài kiểm tra cuối kì học. Điểm kiểm tra cuối kì học ( $\text{ĐKT}_{\text{ck}}$ ) được tính hệ số 2, các điểm kiểm tra trong kì học ( $\text{ĐKT}_{\text{trk}}$ ) được tính hệ số 1.

- Đề kiểm tra của mỗi môn học được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt của mỗi môn học được quy định trong Chương trình xóa mù chữ. Không thực hiện đánh giá định kì đối với cụm chuyên đề học tập.

- Đối với môn Tiếng Việt và môn Toán thời gian làm bài kiểm tra định kì là 70 phút. Đối với các môn học còn lại thời gian làm bài kiểm tra định kì là 35 phút.

- Bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm kiểm tra là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

- Nếu kết quả bài kiểm tra cuối kì học bất thường so với kết quả bài kiểm tra trong kì học, giáo viên có thể cho học viên làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học viên.

- Học viên thiếu bài kiểm tra định kì thì được kiểm tra bù với lần kiểm tra còn thiếu. Việc kiểm tra bù được thực hiện theo từng kì học. Trường hợp học viên không tham gia kiểm tra bù thì được nhận 0 (không) điểm đối với bài kiểm tra định kì còn thiếu.

b) Vào trong kì học thứ nhất, kì học thứ 2, kì học thứ 3, kì học thứ 4 và kì học thứ 5 (sau đây gọi chung là các kì học) và cuối các kì học, giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học để đánh giá học viên đối với từng môn học theo các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học;

- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học;

- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

#### 2. Đánh giá định kì về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Vào cuối các kì học, giáo viên thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong

quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học viên, đánh giá theo các mức sau:

- Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.
- Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.
- Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

#### **Điều 8. Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục**

1. Cuối các kì học, căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học và về từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học viên, giáo viên tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của học viên vào bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

2. Giáo viên căn cứ vào các điểm kiểm tra ghi trong bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục để tính điểm trung bình môn học của học viên.

a) Điểm trung bình môn học (sau đây viết tắt là  $\bar{D}TB_{mh}$ ) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$(\bar{D}KT_{trk1} + \bar{D}KT_{trk2} + \bar{D}KT_{trk3}) + 2 \times \bar{D}KT_{ck}$$

$$\bar{D}TB_{mh} = \frac{\text{_____}}{5}$$

Trong đó:  $\bar{D}KT_{trk1}$  là điểm kiểm tra trong kì học lần 1;  $\bar{D}KT_{trk2}$  là điểm kiểm tra trong kì học lần 2;  $\bar{D}KT_{trk3}$  là điểm kiểm tra trong kì học lần 3;  $\bar{D}KT_{ck}$  là điểm kiểm tra cuối kì học.  $\bar{D}TB_{mh}$  là số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

b) Điểm trung bình môn học dùng để đánh giá kết quả giáo dục học viên theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Căn cứ vào kết quả đánh giá về nội dung học tập từng môn học và từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học viên và điểm trung bình môn học của từng môn học, giáo viên thực hiện:

a) Đánh giá kết quả giáo dục học viên theo ba mức:

- Hoàn thành tốt: Những học viên có kết quả đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; điểm trung bình môn học của từng môn học đạt 7 điểm trở lên;

- Hoàn thành: Những học viên có kết quả đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học đạt mức Hoàn thành; các phẩm chất, năng lực đạt mức Đạt; điểm trung bình môn học của từng môn học đạt 5 điểm trở lên;

- Chưa hoàn thành: Những học viên không thuộc các đối tượng trên.

b) Ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá giáo dục và các thành tích của

học viên được khen thưởng trong năm học vào học bạ.

#### **Điều 9. Đánh giá học viên khuyết tật**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học viên khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Học viên khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập tùy theo dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, được đánh giá như đối với học viên không khuyết tật, có điều chỉnh yêu cầu cho phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

3. Học viên khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

#### **Điều 10. Hồ sơ đánh giá**

1. Hồ sơ đánh giá là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học viên.

2. Hồ sơ đánh giá từng kì của mỗi học viên gồm học bạ (tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này) và bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp (tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

a) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu trữ tại cơ sở giáo dục theo quy định.

b) Học bạ được cơ sở giáo dục lưu trữ trong suốt thời gian học viên theo học Chương trình xóa mù chữ, được giao cho học viên khi hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 hoặc hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.

### **Chương III**

#### **SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 11. Xét hoàn thành chương trình kì học**

1. Học viên được xác nhận hoàn thành chương trình kì học là những học viên được đánh giá kết quả giáo dục ở một trong hai mức: Hoàn thành tốt, Hoàn thành.

2. Đối với học viên chưa được xác nhận hoàn thành chương trình kì học, giáo viên lập kế hoạch, hướng dẫn, giúp đỡ; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình kì học.

3. Học viên được xác nhận hoàn thành chương trình kì học được xét vào học tiếp chương trình kì học tiếp theo.

#### **Điều 12. Xét hoàn thành Chương trình xóa mù chữ**

1. Xét hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1

a) Học viên được xác nhận hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 là học viên được đánh giá kết quả giáo dục kì học thứ 3 ở một trong hai mức: Hoàn thành tốt, Hoàn thành.

b) Học viên hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 được xác nhận và ghi vào học bạ: Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1.

## 2. Xét hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2

a) Học viên được xác nhận hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 là học viên được đánh giá kết quả giáo dục kì học thứ 5 ở một trong hai mức: Hoàn thành tốt, Hoàn thành.

b) Học viên hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 được xác nhận và ghi vào học bạ: Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.

3. Học viên được xác nhận Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 được xét vào học tiếp chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

## **Điều 13. Khen thưởng**

1. Thủ trưởng cơ sở giáo dục tặng giấy khen cho học viên:

a) Khen thưởng danh hiệu Học viên Tiêu biểu giai đoạn 1 cho những học viên được đánh giá kết quả giáo dục kì học thứ nhất, kì học thứ 2 và kì học thứ 3 đạt mức Hoàn thành tốt;

b) Khen thưởng danh hiệu Học viên Tiêu biểu giai đoạn 2 cho những học viên được đánh giá kết quả giáo dục kì học thứ 4 và kì học thứ 5 đạt mức Hoàn thành tốt;

2. Học viên có thành tích đặc biệt được cơ sở giáo dục xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá học viên thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng hồ sơ đánh giá, học bạ của học viên trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, học bạ điện tử.

c) Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện đánh giá học viên về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Thủ trưởng các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện đánh giá học viên trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này tại địa phương.

**Điều 15. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có tổ chức thực hiện Chương trình xóa mù chữ**

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, tuyên truyền thực hiện đánh giá học viên theo quy định tại Thông tư này; đảm bảo chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2. Tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện quy định đánh giá học viên.

3. Chỉ đạo việc ra đề kiểm tra định kỳ; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học viên; xác nhận học viên hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 và hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2; quản lý hồ sơ đánh giá học viên.

4. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học viên trong phạm vi và quyền hạn của Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có tổ chức thực hiện Chương trình xóa mù chữ.

**Điều 16. Trách nhiệm của giáo viên**

1. Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học viên, tổng hợp kết quả giáo dục học viên trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học viên theo quy định.

2. Hướng dẫn học viên tự nhận xét và tham gia nhận xét học viên khác, nhóm học viên.

3. Giáo viên theo dõi sự tiến bộ của học viên, ghi chép những lưu ý với học viên có nội dung chưa hoàn thành hoặc có tiến bộ trong học tập và rèn luyện.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022. Thông tư này thay thế Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học viên học Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

2. Đối với học viên học Chương trình xóa mù chữ tuyển sinh trước thời điểm thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện đánh giá theo Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học viên học Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

**Điều 18.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

*Noi nhận:*

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBVHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Như Điều 18 (để thực hiện);
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Độ**

**Phụ lục 1. Học bạ**

(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HỌC BẠ  
XOÁ MÙ CHỮ**

Họ và tên học viên: .....

Trường: .....

Xã (Phường, Thị trấn): .....

Huyện (Thành phố, Quận, Thị xã): .....

Tỉnh (Thành phố): .....

.....

## HƯỚNG DẪN GHI HỌC BẠ

Học bạ dùng để ghi kết quả tổng hợp đánh giá cuối kì học của học viên. Khi ghi học bạ, giáo viên cần nghiên cứu kỹ Thông tư số /2022/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ.

1. Trang 3, thông tin ghi theo giấy khai sinh của học viên.

### 2. Mục "**1. Các môn học**"

- Trong cột "**Mức đạt được**": Ghi ký hiệu T nếu học viên đạt mức "Hoàn thành tốt"; H nếu học viên đạt mức "Hoàn thành" hoặc C nếu học viên ở mức "Chưa hoàn thành" về đánh giá định kì nội dung học tập các môn học.

- Trong cột "**Điểm kiểm tra định kì**": Ghi điểm số của bài kiểm tra trong kì học, bài kiểm tra cuối kì học; đối với học viên được kiểm tra lại, ghi điểm số của bài kiểm tra lần cuối.

- Trong cột "**Nhận xét**": Ghi những điểm nổi bật về sự tiến bộ, năng khiếu, hứng thú học tập đối với các môn học của học viên; nội dung, kỹ năng chưa hoàn thành trong từng môn học cần được khắc phục, giúp đỡ (nếu có).

### 3. Mục "**2. Những phẩm chất chủ yếu**" và mục "**3. Những năng lực cốt lõi**"

- Trong cột "**Mức đạt được**" tương ứng với từng nội dung đánh giá về phẩm chất, năng lực: ghi ký hiệu T nếu học viên đạt mức "Tốt", Đ nếu học viên đạt mức "Đạt" hoặc C nếu học viên ở mức "Cần cố gắng".

- Trong cột "**Nhận xét**" tương ứng với nội dung đánh giá về phẩm chất: Ghi các biểu hiện, sự tiến bộ, ưu điểm, hạn chế hoặc khuyến nghị (nếu có) về sự hình thành và phát triển một số phẩm chất chủ yếu của học viên.

Ví dụ: Đi học đầy đủ, đúng giờ; mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân; tôn trọng và biết giúp đỡ mọi người;...

- Trong cột "**Nhận xét**" tương ứng với nội dung đánh giá về năng lực: Ghi các biểu hiện, sự tiến bộ, ưu điểm, hạn chế hoặc khuyến nghị (nếu có) về sự hình thành và phát triển một số năng lực chung, năng lực đặc thù của học viên.

Ví dụ: Chủ động, phối hợp trong học tập; có khả năng tự học; ...; sử dụng ngôn ngữ lưu loát trong cuộc sống và học tập, biết tư duy, lập luận và giải quyết được một số vấn đề toán học quen thuộc;...

### 4. Mục "**4. Đánh giá kết quả giáo dục**"

Ghi một trong ba mức: "Hoàn thành tốt"; "Hoàn thành" hoặc "Chưa hoàn thành".

### 5. Mục "**5. Khen thưởng**"

Ghi những thành tích mà học viên được khen thưởng trong từng giai đoạn.



Ví dụ: Đạt danh hiệu Học viên Tiêu biểu giai đoạn 1, Học viên Tiêu biểu giai đoạn 2,...

**6. Mục “6. Hoàn thành chương trình kì học”**

Ghi Hoàn thành chương trình kì học hoặc Chưa Hoàn thành chương trình kì học.

Ví dụ:

- Hoàn thành chương trình kì học thứ nhất
- Hoàn thành chương trình kì học thứ 2
- Hoàn thành chương trình kì học thứ 4

**7. Mục “7. Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1”**

Ghi Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 hoặc Chưa Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1.

**8. Mục “8. Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2”**

Ghi Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 hoặc Chưa Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.

*Học bạ được cơ sở giáo dục bảo quản và trả lại cho học viên khi học viên hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.*

## HỌC BẠ

Họ và tên học viên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Nơi sinh: .....;

Quê quán: .....

Nơi ở hiện nay: .....

....., ngày .... tháng .... năm 20...  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Giai đoạn	Kì học thứ	Tên cơ sở giáo dục	Thời gian học (từ tháng...năm.... đến tháng...năm...)	Ghi chú (thời học, hay chuyển nơi học mới)
Giai đoạn 1	1			
Giai đoạn 1	2			
Giai đoạn 1	3			
Giai đoạn 2	4			
Giai đoạn 2	5			



Họ và tên học viên: ..... Kì học thứ nhất  
 Số ngày nghỉ có phép: ..... Số ngày nghỉ không phép: .....

### 1. Các môn học

Môn học	Mức đạt được	Điểm kiểm tra định kì					Nhận xét
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	
Tiếng Việt							.....
Toán							.....

### 2. Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Mức đạt được	Nhận xét
Yêu nước		.....
Nhân ái		.....
Chăm chỉ		.....
Trung thực		.....
Trách nhiệm		.....

### 3. Những năng lực cốt lõi

#### 3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Tự chủ và tự học		.....
Giao tiếp và hợp tác		.....
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		.....

#### 3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Ngôn ngữ		.....
Tính toán		.....
Khoa học		.....
Công nghệ và Tin học		.....

4. Đánh giá kết quả giáo dục:.....

5. Hoàn thành chương trình kì học thứ nhất:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

Xác nhận  
 của Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giáo viên  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Họ và tên học viên: ..... Kì học thứ 2  
 Số ngày nghỉ có phép: ..... Số ngày nghỉ không phép: .....

### 1. Các môn học

Môn học	Mức đạt được	Điểm kiểm tra định kì					Nhận xét
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	
Tiếng Việt							.....
Toán							.....
Tự nhiên và Xã hội							.....

### 2. Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Mức đạt được	Nhận xét
Yêu nước		.....
Nhân ái		.....
Chăm chỉ		.....
Trung thực		.....
Trách nhiệm		.....

### 3. Những năng lực cốt lõi

#### 3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Tự chủ và tự học		.....
Giao tiếp và hợp tác		.....
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		.....

#### 3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Ngôn ngữ		.....
Tính toán		.....
Khoa học		.....
Công nghệ và Tin học		.....

4. Đánh giá kết quả giáo dục:.....

5. Hoàn thành chương trình kì học thứ 2:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

Xác nhận  
của Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giáo viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Họ và tên học viên: ..... Kì học thứ 3  
 Số ngày nghỉ có phép: ..... Số ngày nghỉ không phép: .....

### 1. Các môn học

Môn học	Mức đạt được	Điểm kiểm tra định kì					Nhận xét
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	
Tiếng Việt							
Toán							
Tự nhiên và Xã hội							

### 2. Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Mức đạt được	Nhận xét
Yêu nước		
Nhân ái		
Chăm chỉ		
Trung thực		
Trách nhiệm		

### 3. Những năng lực cốt lõi

#### 3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Tự chủ và tự học		
Giao tiếp và hợp tác		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		

#### 3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Ngôn ngữ		
Tính toán		
Khoa học		
Công nghệ và Tin học		

4. Đánh giá kết quả giáo dục:.....

5. Khen thưởng:.....

6. Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

Giáo viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận

của Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Họ và tên học viên: ..... Kì học thứ 4  
 Số ngày nghỉ có phép: ..... Số ngày nghỉ không phép: .....

### 1. Các môn học

Môn học	Mức đạt được	Điểm kiểm tra định kì					Nhận xét
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	
Tiếng Việt							
Toán							
Khoa học							
Lịch sử và Địa lý							

### 2. Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Mức đạt được	Nhận xét
Yêu nước		
Nhân ái		
Chăm chỉ		
Trung thực		
Trách nhiệm		

### 3. Những năng lực cốt lõi

#### 3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Tự chủ và tự học		
Giao tiếp và hợp tác		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		

#### 3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Ngôn ngữ		
Tính toán		
Khoa học		
Công nghệ và Tin học		

4. Đánh giá kết quả giáo dục:.....

5. Hoàn thành chương trình kì học thứ 4:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

Xác nhận

của Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giáo viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Họ và tên học viên: ..... Kì học thứ 5  
 Số ngày nghỉ có phép: ..... Số ngày nghỉ không phép: .....

### 1. Các môn học

Môn học	Mức đạt được	Điểm kiểm tra định kì					Nhận xét
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	
Tiếng Việt							
Toán							.....
Khoa học							.....
Lịch sử và Địa lý							.....

### 2. Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Mức đạt được	Nhận xét
Yêu nước		.....
Nhân ái		.....
Chăm chỉ		.....
Trung thực		.....
Trách nhiệm		.....

### 3. Những năng lực cốt lõi

#### 3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Tự chủ và tự học		.....
Giao tiếp và hợp tác		.....
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		.....

#### 3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Mức đạt được	Nhận xét
Ngôn ngữ		.....
Tính toán		.....
Khoa học		.....
Công nghệ và Tin học		.....

4. Đánh giá kết quả giáo dục:.....

5. Khen thưởng:.....

6. Hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

Xác nhận  
của Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giáo viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 2. Bảng tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục**  
(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGDDT ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**HƯỚNG DẪN**  
**GHI BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC CỦA LỚP**

**1. Phần tiêu đề**

Điền đầy thông tin vào chỗ chấm.

**2. Phần "Môn học"**

- Trong cột "Mức đạt được" tương ứng với từng môn học: Ghi ký hiệu T nếu học viên đạt mức "Hoàn thành" hoặc C nếu học viên ở mức "Chưa hoàn thành" về đánh giá định kì nội dung học tập các môn học.

- Trong cột "**Điểm kiểm tra định kì**": Ghi điểm số của 03 (ba) bài kiểm tra trong kì học và 01 (một) bài kiểm tra cuối kì học; đối với học viên được kiểm tra lại, ghi điểm số của bài kiểm tra trong kì học và cuối kì học lần cuối.

**3. Phần "Phản chất chủ yếu" và "Năng lực cốt lõi"**

Trong cột tương ứng với từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi (*năng lực chung và năng lực đặc thù*): Ghi ký hiệu T nếu học viên đạt mức "Tốt", Đ nếu học viên đạt mức "Đạt" hoặc C nếu học viên ở mức "Cần cố gắng".

**4. Phần "Đánh giá kết quả giáo dục"**

Dánh dấu "X" vào các ô tương ứng với mức đạt được về đánh giá kết quả giáo dục của từng học viên

**5. Phần "Khen thưởng" (trong mẫu 3 và 5)**

Dánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với mỗi học viên được khen thưởng

**6. Phần "Ghi chú"**

Ghi những lưu ý đặc biệt (nếu có). Chẳng hạn như: Học viên dân tộc thiểu số, học viên khuyết tật,...



Mẫu 1. Dùng cho kì 1

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC KÌ HỌC THỨ NHẤT NĂM HỌC 20... - 20... LỚP..... CƠ SỞ GIÁO DỤC.....**

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		Môn học	Phản chất chủ yếu	Năng lực cốt lõi		Đánh giá kết quả giáo dục
	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ			Điểm kiểm tra định kì	Toán	
Mức đạt được			Tiếng Việt				
ĐKT <sub>trk1</sub>				Điểm kiểm tra định kì			
ĐKT <sub>trk2</sub>							
ĐKT <sub>trk3</sub>							
ĐKT <sub>ck</sub>							
ĐTB <sub>mh</sub>							
Mức đạt được							
ĐKT <sub>trk1</sub>				Điểm kiểm tra định kì			
ĐKT <sub>trk2</sub>							
ĐKT <sub>trk3</sub>							
ĐKT <sub>ck</sub>							
ĐTB <sub>mh</sub>							
Yêu nước							
Nhân ái							
Chăm chỉ							
Trung thực							
Trách nhiệm							
Tự chủ và tự học							
Giao tiếp và hợp tác							
Giải quyết vấn đề và sáng tạo							
Ngôn ngữ							
Tính toán							
Khoa học							
Công nghệ và Tin học							
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
Ghi chú							

**Giáo viên**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày      tháng      năm  
**Thủ trưởng cơ sở giáo dục**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2. Dùng cho kì 2

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC KÌ HỌC THỨ 2 NĂM HỌC 20... - 20... LỚP..... CƠ SỞ GIÁO DỤC.....**

		STT		HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN				Ngày, tháng, năm sinh				Nữ					
				Tiếng Việt		Môn học		Toán		Tự nhiên và Xã hội		Phẩm chất chủ yếu		Năng lực cốt lõi		Đánh giá kết quả giáo dục	
				Điểm kiểm tra				Điểm kiểm tra		Điểm kiểm tra				Năng lực chung		Năng lực đặc thù	
				ĐKT <sub>trk1</sub>				ĐKT <sub>trk1</sub>		ĐKT <sub>trk1</sub>							
1				ĐKT <sub>trk2</sub>				ĐKT <sub>trk2</sub>		ĐKT <sub>trk2</sub>							
2				ĐKT <sub>trk3</sub>				ĐKT <sub>trk3</sub>		ĐKT <sub>trk3</sub>							
3				ĐKT <sub>ck</sub>				ĐKT <sub>ck</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>							
				ĐTB <sub>mh</sub>				ĐTB <sub>mh</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>				ĐTB <sub>mh</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>	
				Mức đạt được				Mức đạt được		Mức đạt được				Mức đạt được		Mức đạt được	
				ĐKT <sub>trk1</sub>				ĐKT <sub>trk1</sub>		ĐKT <sub>trk1</sub>				ĐKT <sub>trk1</sub>		ĐKT <sub>trk1</sub>	
				ĐKT <sub>trk2</sub>				ĐKT <sub>trk2</sub>		ĐKT <sub>trk2</sub>				ĐKT <sub>trk2</sub>		ĐKT <sub>trk2</sub>	
				ĐKT <sub>trk3</sub>				ĐKT <sub>trk3</sub>		ĐKT <sub>trk3</sub>				ĐKT <sub>trk3</sub>		ĐKT <sub>trk3</sub>	
				ĐKT <sub>ck</sub>				ĐKT <sub>ck</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>				ĐKT <sub>ck</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>	
				ĐTB <sub>mh</sub>				ĐTB <sub>mh</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>				ĐTB <sub>mh</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>	
				Yêu nước				Nhân ái		Chăm chỉ				Trung thực		Trách nhiệm	
				Tự chủ và tự học				Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo				Ngôn ngữ		Tính toán	
				Khoa học				Công nghệ và Tin học		Khoa học				Công nghệ và Tin học		Hoàn thành tốt	
				Thiên văn				Hoàn thành		Hoàn thành				Thiên văn		Chưa hoàn thành	
				Ghi chú													

*Ngày                          tháng                          năm*  
**Thủ trưởng cơ sở giáo dục**  
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Giáo viên**  
 (ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC KÌ HỌC THỨ 3 NĂM HỌC 20... - 20... LỚP:..... CƠ SỞ GIÁO DỤC:.....**

Mẫu 3. Dùng cho kì 3

		STT		HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		Ngày, tháng, năm sinh		Môn học		Phẩm chất chủ yếu		Năng lực cốt lõi		Đánh giá kết quả giáo dục	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC KÌ HỌC THỨ 4 NĂM HỌC 20... - 20... LỚP..... CƠ SỞ GIÁO DỤC.....**

Mẫu 4. Dùng cho kì 4

		STT		HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		Ngày, tháng, năm sinh		Môn học		Phẩm chất chủ yếu		Năng lực cốt lõi		Đánh giá kết quả giáo dục	
		Nữ		Tiếng Việt		Toán		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Năng lực chung		Năng lực đặc thù	
1		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì		Điểm kiểm tra định kì	
		ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>	ĐTB <sub>mh</sub>	ĐKT <sub>trk1</sub>	ĐKT <sub>trk2</sub>	ĐKT <sub>trk3</sub>	ĐKT <sub>ck</sub>
2															
3															
...															

Giáo viên  
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
Thủ trưởng cơ sở giáo dục  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC KÌ HỌC THỬ 5 NĂM HỌC 20... - 20... LỚP:..... CƠ SỞ GIÁO DỤC:.....

Mẫu 5. Dùng cho kì 5

		STT		HỌ VÀ TÊN HỌC SINH		Ngày, tháng, năm sinh		Nữ	
1		Mức đạt được		ĐKT <sub>trk1</sub>		Tiếng Việt		Môn học	
2		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>trk2</sub>		Toán		Phản chất chủ yếu	
3		ĐKT <sub>trk3</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>		Khoa học		Năng lực cốt lõi	
		ĐTB <sub>mh</sub>		ĐKT <sub>trk1</sub>		Lịch sử và Địa lý		Năng lực chung	
		Mức đạt được		ĐKT <sub>trk2</sub>					
		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>trk3</sub>					
		ĐKT <sub>ck</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>					
		Mức đạt được		ĐKT <sub>tek1</sub>					
		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>tek2</sub>					
		ĐKT <sub>gk3</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>					
		ĐTB <sub>mh</sub>		Mức đạt được					
		ĐKT <sub>tek1</sub>		ĐKT <sub>tek2</sub>					
		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>tek3</sub>					
		ĐKT <sub>ck</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>					
		Mức đạt được		ĐKT <sub>tck1</sub>					
		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>tck2</sub>					
		ĐKT <sub>tck3</sub>		ĐKT <sub>ck</sub>					
		ĐTB <sub>mh</sub>		Mức đạt được					
		ĐKT <sub>tck1</sub>		ĐKT <sub>tck2</sub>					
		Điểm kiểm tra định kì		ĐKT <sub>tck3</sub>					
		ĐKT <sub>ck</sub>		ĐTB <sub>mh</sub>					
		Yêu nước		Nhân ái		Trung thực		Trách nhiệm	
		Chăm chỉ		Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
		Trung thực		Ngôn ngữ		Tính toán		Khoa học	
		Trách nhiệm		Công nghệ và Tin học		Hoàn thành tốt		Hoàn thành	
		Tự chủ và tự học		Hoàn thành		Chưa hoàn thành			
		Giao tiếp và hợp tác							
		Giải quyết vấn đề và sáng tạo							
		Ngôn ngữ							
		Tính toán							
		Khoa học							
		Công nghệ và Tin học							
		Hoàn thành tốt							
		Hoàn thành							
		Chưa hoàn thành							

**Thủ trưởng cơ sở giáo dục**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

~  
~